<IMP>

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **106396265141** Số tờ khai đầu tiên /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 2 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 1604
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CSGONKVI Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
Ngày đăng ký DAOHAISAN 12:07:22 Ngày thay đổi đăng ký DAOHAISAN 17:07:17 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<01>
Mã số hàng hóa 16042091 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận gi [ ]
Mô tả hàng hóa Cá trích ép trứng tẩm gia vị đông lạnh màu vàng (YELLOW NISHIN) - FROZEN SEASONED HERRING FILLETS AND ROE (YELLOW NISHIN), 2kg*4box/ctn. HSD: DAOHAISAN

Số của mục khai khoản điều chỉnh
Trị giá hóa đơn
Thuế nhập khẩu
Trị giá tính thuế(S) VND
Số lượng tính thuế
Thuế suất C 0% -
Số tiền thuế VND
Số tiền miễn giảm VND
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Danh mục miễn thuế nhập khẩu -
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Số lượng (1) 13.600 KGM
Số lượng (2) 13.600 KGM
Đơn giá hóa đơn USD KGM
Trị giá tính thuế(M) -
Đơn giá tính thuế - VND - KGM
Mã áp dụng thuế tuyệt đối
Nước xuất xứ CN - CHINA - B05
Mã ngoài hạn ngạch

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB225
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **106396265141** Số tờ khai đầu tiên /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 2 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 1604
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CSGONKVI Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
Ngày đăng ký DAOHAISAN 12:07:22 Ngày thay đổi đăng ký DAOHAISAN 17:07:17 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<02>
Mã số hàng hóa 16042091 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận gi [ ]
Mô tả hàng hóa Cá trích ép trứng tẩm gia vị đông lạnh màu đỏ (RED NISHIN) - FROZEN SEASONED HERRING FILLETS AND ROE (RED NISHIN), 2kg*4box/ctn. HSD: DAOHAISAN

Số của mục khai khoản điều chỉnh
Trị giá hóa đơn
Thuế nhập khẩu
Trị giá tính thuế(S) VND
Số lượng tính thuế
Thuế suất C
Số tiền thuế VND
Số tiền miễn giảm VND
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Danh mục miễn thuế nhập khẩu -
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Số lượng (1) 6.400 KGM
Số lượng (2) 6.400 KGM
Đơn giá hóa đơn USD KGM
Trị giá tính thuế(M) -
Đơn giá tính thuế - VND - KGM
Mã áp dụng thuế tuyệt đối
Nước xuất xứ CN - CHINA - B05
Mã ngoài hạn ngạch

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB225
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

<IMP>

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **106396265141** Số tờ khai đầu tiên /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 2 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 1604
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CSGONKVI Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
Ngày đăng ký DAOHAISAN 12:07:22 Ngày thay đổi đăng ký DAOHAISAN 17:07:17 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<03>
Mã số hàng hóa 16042091 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận gi [ ]
Mô tả hàng hóa Cá trích ép trứng tẩm gia vị đông lạnh màu xanh (GREEN NISHIN) - FROZEN SEASONED HERRING FILLETS AND ROE (GREEN NISHIN), 2kg*4box/ctn. HSD: DAOHAISAN

Số của mục khai khoản điều chỉnh
Trị giá hóa đơn
Thuế nhập khẩu
Trị giá tính thuế(S) VND
Số lượng tính thuế
Thuế suất C
Số tiền thuế VND
Số tiền miễn giảm VND
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Danh mục miễn thuế nhập khẩu -
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Số lượng (1) 1.000 KGM
Số lượng (2) 1.000 KGM
Đơn giá hóa đơn USD KGM
Trị giá tính thuế(M) -
Đơn giá tính thuế - VND - KGM
Mã áp dụng thuế tuyệt đối
Nước xuất xứ CN - CHINA - B05
Mã ngoài hạn ngạch

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB225
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Mẫu số 05

CỤC THÚ Y
CHI CỤC THÚ Y VÙNG VI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÁC NHẬN THỰC PHẨM ĐẠT/ KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU NHẬP KHẨU

Số: 750/2024/TBNK/TYV6

1. DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN
DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN
DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN
2. DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN
DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN
DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN
DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN
3. Tên, địa chỉ, diện thoại của thương nhân xuất khẩu: Zhangzhou Longze Food Co.,Ltd. Địa chỉ: Shizai Mountain, Zhoudu Village, Dongxia Town, Yunxiao County, Fujian, China.
4. Số tờ khai hải quan:
5. Cửa khẩu đi: Xiamen, China
6. Cửa khẩu đến: Cảng Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh
7. Thời gian kiểm tra: DAOHAISAN
8. Địa điểm kiểm tra: Trạm KDDV Cảng, bưu điện – Chi cục Thú y vùng VI
9. Thông tin chi tiết lô hàng:

TT	Tên mặt hàng	Nhóm sản phẩm	Tên và địa chỉ nhà sản xuất	Phương thức kiểm tra	Xác nhận đạt/không đạt yêu cầu	Lý do không đạt	Các biện pháp xử lý mặt hàng không đạt yêu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Cá Trích ép trứng tẩm gia vị đông lạnh màu vàng (yellow nishin) - Frozen Seasoned Herring Fillets and Roe (yellow nishin)	QCVN 8-2:2011/BYT ; QCVN 8-3:2012/BYT	Zhangzhou Longze Food Co.,Ltd. Địa chỉ: Núi shizai, Làng Zhoudu, Thị trấn Dongxia, Quận Yunxiao, Tỉnh Fujian, Trung Quốc	Kiểm tra thông thường	Đạt yêu cầu		
2	Cá Trích ép trứng tẩm gia vị đông lạnh màu đỏ (red nishin) - Frozen Seasoned Herring Fillets and Roe (red nishin)	QCVN 8-2:2011/BYT ; QCVN 8-3:2012/BYT ;	Zhangzhou Longze Food Co.,Ltd. Địa chỉ: Núi shizai, Làng Zhoudu, Thị trấn Dongxia, Quận Yunxiao, Tỉnh Fujian, Trung Quốc	Kiểm tra thông thường	Đạt yêu cầu		

3	Cá Trích ép trứng tẩm gia vị đông lạnh màu xanh (green nishin) - Frozen Seasoned Herring Fillets and Roe (green nishin)	QCVN 8-2:2011/BYT ; QCVN 8-3:2012/BYT ;	Zhangzhou Longze Food Co.,Ltd. Địa chỉ: Núi shizai, Làng Zhoudu, Thị trấn Dongxia, Quận Yunxiao, Tỉnh Fujian, Trung Quốc	Kiểm tra thông thường	Đạt yêu cầu		

DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN

Nơi nhận
- Chủ hàng: nêu trên;
- Chi cục Hải quan CK CSG KV1;
- Lưu: VT, CBĐ.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
(Ký tên đóng dấu)

CHI CỤC THÚ Y VÙNG VI

PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG
TRẦN ĐỨC TRUNG

中华人民共和国出入境检验检疫
ENTRY-EXIT INSPECTION AND QUARANTINE OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA

正 本
ORIGINAL

健康证书
HEALTH CERTIFICATE

编号 No.：224N3704000991400l

发货人名称及地址
Name and Address of Consignor ZHANGZHOU LONGZE FOOD CO.,LTD. SHIZAI MOUNTAIN,ZHOUDU VILLAGE,DONGXIA TOWN,YUNXIAO COUNTY,FUJIAN,CHINA.

DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN
DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN DAOHAISAN

收货人名
Name an

品名
Description of Goods SEE ATTACHMENT

加工种类或状态
State or Type of Processing FROZEN

报检数量/重量
Quantity/Weight Declared SEE ATTACHMENT

包装种类及数量
Number and Type of Packages SEE ATTACHMENT

贮藏和运输温度
Temperature during Storage and Transport BELOW-18°C

标记及号码
Mark & No.
N/M

加工厂名称、地址及编号(如果适用)
Name,Address and approval No. of the approved Establishment(if applicable) ZHANGZHOU LONGZE FOOD CO.,LTD. SHIZAI MOUNTAIN,ZHOUDU VILLAGE,DONGXIA TOWN,YUNXIAO COUNTY,FUJIAN,CHINA.(3500/02420)

启运地
Place of Despatch XIAMEN,CHINA

到达国家及地点
Country and Place of Destination CAT LAI PORT HO CHI MINH CITY,VIETNAM.

运输工具
Means of Conveyance BY SEA

发货日期
Date of Despatch ***

RESULTS OF INSPECTION:
THE ABOVE-MENTIONED GOODS ARE IN CONFORMITY WITH THE SANITARY REQUIREMENTS AND FIT FOR HUMAN CONSUMPTION.

****

XIAMEN CUSTOMS THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA 中华人民共和国 厦门海关 039 检验检疫专用 INSPECTION AND QUARANTINE

签证地点Place of Issue DONGSHAN 签证日期Date of Issue DAOHAISAN

印章 Official Stamp

授权签字人Authorized Officer LI YUANSHENG 签 名Signature

中华人民共和国出入境检验检疫机关及其官员或代表不承担签发本证书的任何财经责任。No financial liability with respect to this certificate shall attach to the entry-exit inspection and quarantine authorities of the P. R. of China or to any of its officers or representatives.

[ce-2(2018.4.20) * 1]

BD1844496

证书
CERTIFICATE

正 本
ORIGINAL

编号 No.: 224N3704000991400I

ATTACHMENT

序号 NO	品名 Description of Goods	申请数量/重量 Quantity/Weight Declared	包装种类及数量 Number and Type of Packages
1	FROZEN SEASONED HERRING FILLETS AND ROE(RED NISHIN,YELLOW NISHIN, GREEN NISHIN) -2KG/BOX	**2450CTNS/**19600KGS	**2450CARTONS
2	FROZEN SEASONED HERRING FILLETS AND ROE(YELLOW NISHIN,RED NISHIN) 850G/BAG	**283CTNS/**1924.4KGS	**283CARTONS
3	FROZEN SEASONED FLYING FISH ROE (TOBIKO,BLACK TOBIKO,RED TOBIKO)	**160CTNS/**1600KGS	**160CARTONS

****

PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA 中华人民共和国 海关 3900 检疫专用章 AND QUARANTINE

Original

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country)
ZHANGZHOU LONGZE FOOD CO., LTD.
SHIZAI MOUNTAIN, ZHOUDU VILLAGE, DONGXIA TOWN, YUNXIAO COUNTY, FUJIAN, CHINA.

Reference No. E246740212620018

ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA
PREFERENTIAL TARIFF
CERTIFICATE OF ORIGIN
(Combined Declaration and Certificate)

FORM E

Issued in THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA
(Country)

See Overleaf Notes

2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)

DAOHAISAN®

3. Means of transport and route (as far as known)

Departure date DAOHAISAN

Vessel's name / Aircraft etc. WAN HAI 335/24003S

Port of Discharge CAT LAI PORT HO CHI MINH CITY, VIETNAM

FROM XIAMEN, CHINA TO CAT LAI PORT HO CHI MINH CITY, VIETNAM BY SEA

4. For Official Use Verification:origin.customs.gov.cn

☐ Preferential Treatment Given

☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)

Signature of Authorised Signatory of the Importing Party

5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
1	N/M	ONE THOUSAND SEVEN HUNDRED (1700) CTNS OF FROZEN SEASONED HERRING FILLETS AND ROE(YELLOW NISHIN) (2KG*BOX) HS CODE: 1604.20	"PSR"	14960KGS G.W.	LZ24028 DAOHAISAN
2		EIGHT HUNDRED (800) CTNS OF FROZEN SEASONED HERRING FILLETS AND ROE (RED NISHIN) (2KG/BOX) HS CODE: 1604.20	"PSR"	7040KGS G.W.	
3		ONE HUNDRED AND TWENTY FIVE (125) CTNS OF FROZEN SEASONED HERRING FILLETS AND ROE(GREEN NISHIN) (2KG/BOX) HS CODE: 1604.20	"PSR"	1100KGS G.W.	
4		TWO HUNDRED AND EIGHT (208) CTNS OF FROZEN SEASONED HERRING FILLETS AND ROE (YELLOW NISHIN) (850G/BAG) HS CODE: 1604.20	"PSR"	1622.4KGS G.W.	

11. Declaration by the exporter

The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in

CHINA
(Country)

and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to

VIET NAM
(Importing Country)

Xiamen, China, DAOHAISAN

Place and date, signature of authorised signatory

12. Certification

It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.

2437000142162

Xiamen, China, DAOHAISAN

Place and date, signature and stamp of certifying authority

13.

☐ Issued Retroactively ☐ Exhibition
☐ Movement Certificate ☐ Third Party Invoicing

2230417351

Original

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country)
****

2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)
****

Reference No. E246740212620018

ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA
PREFERENTIAL TARIFF
CERTIFICATE OF ORIGIN
(Combined Declaration and Certificate)

FORM E

Issued in THE PEOPLE' S REPUBLIC OF CHINA
(Country)

See Overleaf Notes

3. Means of transport and route (as far as known)

Departure date

Vessel's name / Aircraft etc. **********

Port of Discharge

4. For Official Use

☐ Preferential Treatment Given

☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)

Signature of Authorised Signatory of the Importing Party

5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
5		SEVENTY FIVE (75) CTNS OF FROZEN SEASONED HERRING FILLETS AND ROE(RED NISHIN) (850G /BAG) HS CODE: 1604.20	"PSR"	585KGS G.W.	
6		ONE HUNDRED (100) CTNS OF FROZEN SEASONED FLYING FISH ROE(TOBIKO) HS CODE: 1604.32	"PSR"	1080KGS G.W.	
7		THIRTY (30) CTNS OF FROZEN SEASONED FLYING FISH ROE(RED TOBIKO) HS CODE: 1604.32	"PSR"	324KGS G.W.	
8		THIRTY (30) CTNS OF FROZEN SEASONED FLYING FISH ROE(BLACK TOBIKO) HS CODE: 1604.32	"PSR"	324KGS G.W.	
		TOTAL: THREE THOUSAND AND SIXTY EIGHT (3068) CTNS ONLY. *** *** *** *** ***			

11. Declaration by the exporter

The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct, that all the products were produced in

CHINA
(Country)

and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to

VIET NAM
(Importing Country)

Xiamen, China, DAOHAISAN

Place and date, signature of authorised signatory

12. Certification

It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.

XIAMEN CUSTOMS 中华人民共和国 厦门 ORIGIN 海关 THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA

2437000142162

Xiamen, China, DAOHAISAN

Place and date, signature and stamp of certifying authority

13.

☐ Issued Retroactively ☐ Exhibition

☐ Movement Certificate ☐ Third Party Invoicing

2230417352